

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bảng quy định các hệ số quy đổi khoáng sản
trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 07/12/2004;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014, Nghị định 74/2011/NĐ-CP ngày 25/8/2011 của Chính phủ về Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản, Thông tư 158/2011/TT-BTC ngày 16/11/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định 74/2011/NĐ-CP ngày 25/8/2011 của Chính phủ về Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Căn cứ Luật khoáng sản ngày 17/11/2010 và Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Luật Thuế tài nguyên ngày 25/11/2009, Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên, Thông tư số 105/1010/TT-BTC ngày 23/7/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên và hướng dẫn thi hành Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Liên Sở: Tài nguyên và Môi trường – Tài chính – Cục Thuế tỉnh tại Tờ trình số 258 /TTrLS-TNMT-TC-CT ngày 26/01/2015 về việc đề nghị ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên khoáng sản, hệ số quy đổi khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Bảng quy định các hệ số quy đổi khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu như sau:

TT	Tên khoáng sản	Hệ số quy đổi trung bình từ khoáng sản thành phẩm về khoáng sản nguyên khai	Hệ số quy đổi trung bình từ khoáng sản nguyên khai về khoáng sản nguyên khối	Hệ số quy đổi trung bình từ m ³ ra tấn
I	Nước khoáng			
	Nước khoáng	1	1	
II	Puzolan			
	Puzolan	1	0,69	
III	Đá xây dựng			
1	Đá khối	1	1	2,70
2	Đá xô bồ (đá nguyên khai)	1	0,62	1,67
3	Đá hộc	1		1,64
4	Đá chẻ thông thường	0,96		1,78
5	Đá 1x1, 1x2	0,91		1,52
6	Đá 5x20	1		1,64
7	Đá 0x4	0,99		1,60
8	Đá 2x4, 4x6, 5x7	0,98		1,56
9	Đá mi, đá bột, bột CN	0,91		1,50
10	Cát nhân tạo (nghiền từ đá)	0,97		1,55
IV	Sét gạch ngói			
	Sét gạch ngói	1	0,775	1,49
V	Cát xây dựng, cát thủy tinh			
	Cát xây dựng, cát thủy tinh	1	0,675	1,33
VI	Vật liệu san lấp			
	Vật liệu san lấp	1	0,83	1,6

Điều 2. Bảng quy định các hệ số quy đổi khoáng sản là cơ sở để:

1. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu kê khai, tính thuế tài nguyên và phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản; tính toán xác định trữ lượng khoáng sản đã khai thác, phục vụ cho việc tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

2. Cơ quan Thuế tính toán, xác định mức sản lượng khoáng sản đã khai thác; tổ chức thu thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường đối với khai thác

khoáng sản của các tổ chức, cá nhân.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các cơ quan chức năng thẩm định trữ lượng khoáng sản đã khai thác, phục vụ cho việc tính, thẩm định số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của tổ chức, cá nhân, trình UBND Tỉnh phê duyệt.

4. Khi thị trường phát sinh các sản phẩm khoáng sản mới chưa được quy định hệ số quy đổi, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thống nhất với Cục Thuế tỉnh để áp dụng hệ số quy đổi của sản phẩm khoáng sản có kích cỡ hoặc tính chất tương đương đã được quy định tại Quyết định này.

5. Đối với thể trọng tự nhiên của đá puzolan để phục vụ cho việc quy đổi từ m³ ra tấn và ngược lại lấy theo Báo cáo kết quả thăm dò đã được Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia thẩm định, phê duyệt. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cung cấp khi có đề nghị của Cơ quan quản lý nhà nước.

6. Cho phép các doanh nghiệp được tự tổ chức thực nghiệm để xác định các hệ số quy đổi khoáng sản thực tế tại mỏ của doanh nghiệp dưới sự giám sát và xác nhận của các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ. Hệ số quy đổi qua kết quả thực nghiệm được phép áp dụng để kê khai, tính các loại thuế, phí, tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản riêng cho mỏ khoáng sản được thực nghiệm. Trong thời gian chờ kết quả thực nghiệm, doanh nghiệp vẫn phải áp dụng hệ số quy đổi khoáng sản quy định tại Quyết định này để kê khai, tính các loại thuế, phí, tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Công Thương; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- TTr. Tỉnh ủy, TTr. HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH Tỉnh; UBMTTQ Việt Nam và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm công báo Tỉnh;
- Đài PTTH, Báo BRVT;
- Lưu VT, TH.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

K.T. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Ngọc Thới